

VỀ MỐI LIÊN QUAN NỘI TẠI GIỮA QUYỀN LỢI VÀ VẬT PHẨM CÔNG (*)

ÂU DƯƠNG ANH

Bài viết đã luận giải nhằm làm rõ mối liên hệ nội tại giữa quyền lợi và vật phẩm công. Theo tác giả, quyền hưởng dụng vật phẩm công là nội dung quan trọng của quyền lợi cơ bản, việc cung cấp quyền được hưởng vật phẩm công là biện pháp cần thiết để xóa bỏ sự bất bình đẳng, pháp luật là công cụ trợ giúp thực hiện quyền được hưởng vật phẩm công của công dân, cung cấp vật phẩm công một cách tương xứng là yếu tố bảo đảm việc thực hiện quyền con người.

Mối liên quan nội tại giữa quyền lợi và vật phẩm công là một vấn đề lớn đang thu hút sự quan tâm của triết học chính trị đương đại. Việc nghiên cứu vấn đề này có ý nghĩa thực tiễn rất to lớn. Về bản chất, đối tượng được hưởng quyền lợi từ vật phẩm công và quyền được hưởng vật phẩm công là một nội dung quan trọng của quyền lợi cơ bản. Chính vì vậy, có thể trích dẫn kết luận dưới đây về vấn đề bảo đảm nhân quyền: bảo đảm nhân quyền là nội dung hiện thực cụ thể, xã hội cần phải cung cấp vật phẩm công thích ứng với nó, đồng thời nỗ lực bảo đảm quyền được hưởng vật phẩm công có liên quan đến nhân quyền.

1. Cái gọi là vật phẩm công bao gồm chủ yếu những vật vừa không mang tính đối kháng về tiêu dùng, vừa không có tính độc quyền về sử dụng; nó có thể cùng một lúc cung cấp cho nhiều người hưởng dụng, đồng thời vốn cung cấp cho nó và hiệu quả sử dụng nó không hề thay đổi theo sự thay đổi quy mô số người hưởng dụng nó. Do vật phẩm công có tính cùng hưởng, nên đặc điểm cơ bản của nó bao gồm 2 phương diện: *thứ nhất*, tính phi đối kháng về tiêu dùng. Điều đó có nghĩa là, tiêu dùng của mỗi người đối với sản phẩm

này sẽ không làm giảm đi sự tiêu dùng của những người khác. *Thứ hai*, tính phi độc quyền về sử dụng. Có nghĩa là, sau khi vật phẩm công được sản xuất ra, thì không thể loại trừ việc sử dụng nó của người khác, đặc biệt là không thể ngăn chặn những sự tiêu dùng không trả phí(1).

Xét ở tầng bậc hiện thực, mục đích chủ yếu khi đưa ra khái niệm vật phẩm công là ở chỗ muốn phân biệt rõ giữa vật phẩm tư với vật phẩm công. Đặc trưng lớn nhất của vật phẩm tư chính là tính độc quyền, như quần áo, thực phẩm mà chúng ta thường mua đều thuộc về vật phẩm tư. “Tính độc quyền luôn được coi là đặc tính cần phải có của hàng hoá và dịch vụ được cung cấp trong điều kiện thị trường, dù rằng nó không phải là đặc trưng đầy đủ. Nếu như việc sử dụng hoặc tiêu dùng không thể được định ra dựa trên sự chi trả một mức giá nào đó thì cạnh tranh thị trường sẽ cầm chắc thất bại”(2).

Thế nhưng, trong điều kiện mà kinh tế

(*) Bài đăng trên Tạp chí *Nghiên cứu Triết học*, số 9/2004.

(1) Samuelson và Nordhaus. *Kinh tế học*. Tái bản lần thứ 12, quyển hạ, Nxb Phát triển Trung Quốc, 1992, tr.1193.

(2) Ostrom, Vincent. *Phân tích chế độ và suy ngẫm sự phát triển*. Nxb Thương vụ ấn thư quán, 1992, tr.155.

thị trường khẳng định một cách toàn diện đối với hàng hoá tư nhân, con người đã dần nhận thức ra tính sử dụng chung có ở một số hàng hoá và phát hiện thấy: “Một khi đánh mất tính sử dụng chung ấy, thì việc sử dụng hoặc tiêu dùng của một người nào đó sẽ loại trừ đi khả năng tiêu dùng hoặc sử dụng của người khác. Tính sử dụng chung có nghĩa là, khi cá nhân tiêu dùng hoặc sử dụng một hàng hoá hay dịch vụ nào đó sẽ không loại bỏ sự tiêu dùng hoặc sử dụng của người khác; dẫn rằng một loại hàng hoá hay dịch vụ nào đó là để phục vụ cho một ai đó sử dụng, nhưng, khi có người khác cùng sử dụng thì chất và lượng của chúng vẫn không hề sút giảm”(3).

Do vậy, xét về tính mục đích, điều mà khái niệm vật phẩm công muốn biểu hiện ra chính là “tính sử dụng chung” khác biệt so với vật phẩm tư hữu (là tính phi cạnh tranh hoặc tính không sút giảm). Xét về bản chất, dù khái niệm vật phẩm công thừa nhận tính sử dụng chung của hàng hoá, nhưng đồng thời nó vẫn phản ánh rõ nhất sự đồng thuận cao của xã hội đối với vật phẩm tư, nó là sự bổ sung tích cực về nội dung mà khái niệm vật phẩm tư không thể biểu đạt được. Hơn nữa, tài sản công lại không ngang bằng với vật phẩm công, bởi có một số tài sản công lại chỉ chuyên cung cấp cho một số người sử dụng, ví dụ Nhà Trắng là tài sản công, nhưng lại chỉ dành cho Tổng thống Mỹ sử dụng. Samuelson và Nordhaus chỉ rõ: “Khác với hiệu quả của hàng hoá tư hữu thuần tuý, hiệu quả có từ vật phẩm công cho từ một người trở lên tiêu dùng có liên quan đến hiệu quả bên ngoài không thể phân tách ra được. Cũng như vậy, nếu một vật phẩm có thể chia nhỏ được để mỗi một phần có thể bán cho các cá nhân khác nhau theo giá cạnh tranh, hơn nữa

lại không gây ra hiệu quả bên ngoài đối với những người khác, thì vật phẩm đó là vật phẩm tư hữu. Vật phẩm công thường đòi hỏi hành động tập thể, còn hàng hoá tư lại có thể được cung cấp một cách dễ dàng thông qua thị trường”. Như vậy, có thể thấy rằng, trong khi so sánh với vật phẩm tư, vật phẩm công hiện rõ một đặc trưng quan trọng khác là nó đòi hỏi hành động tập thể. Bởi vì, vật phẩm công “bắt buộc dù nhiều dù ít tự động cung cấp cho tất cả mọi người”, do vậy, trong quá trình cung cấp vật phẩm công, nó cần quyết sách tập thể của nhiều người. “Có nghĩa là, quyết sách ăn một thứ vật phẩm tư như bánh mì là một việc được quyết định bởi một người – Anh có thể hoàn toàn không ăn, hoặc có thể ăn hai miếng, hoặc ăn hết cả cái bánh mì, đó thuần tuý là quyết định của riêng anh”(4).

Nhìn một cách khách quan, trong cuộc sống hiện thực, rất nhiều sự vật có thể được gọi là vật phẩm công, như thông tin, tiền tệ, đường sắt, đất đai, chế độ, tôn giáo, tri thức khoa học, văn hoá, máy móc, công cụ, thiết bị quốc phòng, v.v.. Về đại thể, có thể phân chúng thành 4 loại lớn: loại thứ nhất là vật phẩm công mang tính chất vật thể, như đường sắt, tiền tệ, đất đai, máy móc, công cụ, thiết bị quốc phòng; loại thứ hai là vật phẩm công mang tính quy tắc, như: chế độ, quy tắc, trật tự, v.v.; loại thứ ba là vật phẩm công mang tính văn hoá, như tôn giáo, tri thức khoa học, văn hoá, v.v.; loại thứ tư là vật phẩm công mang tính thông tin, như tin tức báo chí, thông tin mạng, v.v.. Ngày nay, vật phẩm công đang ngày càng lan rộng, thấm thấu vào cuộc sống thường

(3) Ostrom, Vincent. *Phân tích chế độ và suy ngẫm sự phát triển*. Sđd., tr.155.

(4) Samuelson và Nordhaus. *Kinh tế học*. Sđd., tr.1194.

ngày của con người và có ảnh hưởng lớn đến đời sống của họ. Một nhà bình luận Mỹ đã từng viết một cách rất hình tượng: “Cu dân thành thị hiện đại được sinh ra ở bệnh viện công, được giáo dục trong trường phổ thông và đại học công lập, phần lớn thời gian trong cuộc sống sử dụng công cụ giao thông công cộng, thông tin qua hệ thống điện thoại bưu điện và bán quốc doanh, uống nước máy, xử lý rác thải qua hệ thống xử lý ô nhiễm công cộng, đọc sách trong thư viện nhà nước, đi dạo trong công viên, được bảo vệ bởi cơ quan công an, cứu hoả, vệ sinh, cuối đời thì chết trong bệnh viện nhà nước, có thể còn an táng trong nghĩa địa công”(5).

2. Theo lời giải thích trong cuốn *Bách khoa toàn thư chính trị học của Blackwell*, cuốn sách công cụ chính trị học đương đại quan trọng, quyền lợi chủ yếu bao gồm 3 kiểu hình thức tồn tại: loại thứ nhất, quyền lợi quy định về pháp luật (là quyền lợi pháp định); loại thứ hai, kết quả hay một kiểu trạng thái thực hữu đang hình thành khi thực hiện quyền lợi pháp định (là quyền lợi hiện thực); loại thứ ba, quyền lợi phù hợp với yêu cầu đạo đức (là quyền lợi đạo đức)(6). Nhìn chung, mối liên quan nội tại của 3 kiểu quyền lợi trên chủ yếu thể hiện 3 phương diện: *một là*, quyền lợi đạo đức là quyền lợi cần có trong trạng thái lý tưởng, nó là cơ sở của tất cả mọi suy tư về vấn đề quyền lợi; *hai là*, quyền lợi pháp định là sự chế độ hoá quyền lợi, là hình thái chủ yếu cho sự tồn tại của quyền lợi, luôn đứng ở vị trí trung gian giữa quyền lợi đạo đức và quyền lợi hiện thực, giữ vai trò môi giới; *ba là*, quyền lợi hiện thực là sự thực hiện cụ thể của quyền lợi pháp định, nó đồng thời cũng có sự đồng thuận với quyền lợi đạo đức, cái mà nó biểu hiện là hành vi thực tế của chủ thể quyền lợi.

Tuy 3 loại hình quyền lợi trên thuộc vào các tầng thứ khác nhau, nhưng bất luận là quyền lợi pháp định, quyền lợi hiện thực hay quyền lợi đạo đức thì đều có một điểm chung, đó là chúng nhất thiết đều liên quan đến vấn đề tính đối tượng của quyền lợi. Bất kỳ quyền lợi nào cũng đều nhằm vào quyền lợi về một sự vật nào đó một cách cụ thể, như quyền tài sản, quyền bầu cử, quyền hiểu biết, v.v.; quyền lợi mà thoát khỏi đối tượng cụ thể chỉ có thể tồn tại trong hình thức trừu tượng, chứ không thể tồn tại hiện thực được. Là người chủ trương tích cực “thuyết tư cách”, nhà luật pháp học đương đại nổi tiếng Milne chỉ rõ: “Ý nghĩa chính của khái niệm quyền lợi là tư cách. Nói anh có quyền lợi hưởng một vật phẩm nào đó, tức là nói anh có tư cách được hưởng dụng nó. Như có quyền bỏ phiếu, quyền được nhận tiền dưỡng lão, quyền giữ ý kiến cá nhân và có quyền được tôn trọng riêng tư gia đình”(7). Từ đó, có thể thấy rằng, mặc dù quyền lợi và tư cách có mối liên quan chặt chẽ với nhau, nhưng nó không chỉ nói về một thứ tư cách suông, mà thực chất là nhấn mạnh một người nào đó có tư cách được hưởng dụng “một vật phẩm nào đó”. Về điểm này, một nhà chủ trương “thuyết tư cách” khác - Mc Closkey cũng cho thấy một cách trực tiếp, rõ ràng hơn. Trong cuốn *Quyền lợi*, ông viết: “Quyền lợi chính là có quyền hành động, có quyền tồn tại, có quyền đòi hỏi. Thuyết quyền lợi mà chúng ta nói tới

(5) Dẫn theo: Badun. *Kinh tế học thị trường*. Nxb Thương vụ ấn thư quán, 1985, tr.155.

(6) *Bách khoa toàn thư chính trị học của Blackwell*. Nxb Đại học Chính trị - Pháp luật Trung Quốc, tr.661.

(7) Milne. *Quyền lợi của con người và tình đa dạng của con người - triết học nhân quyền*, Nxb Bách khoa toàn thư Trung Quốc, 1995, tr.111.

đúng ra là nói đến sở hữu, thực thi và hưởng dụng... Chúng ta nói đến quyền lợi của chúng ta là quyền lợi đối với sự hưởng thụ (ví như quyền lợi của sinh mệnh, quyền lợi của tự do và quyền lợi của hạnh phúc), chứ không phải thứ quyền lợi giống như các thứ chủ trương vẫn thường mắc sai lầm khác, là “quyền lợi dựa vào... mà được hưởng”(8). Mặc dù “thuyết tư cách” cũng bị nghi ngờ bởi các học thuyết quyền lợi khác, nhưng việc phân tích mối liên quan nội tại không thể chia cắt được đang tồn tại giữa quyền lợi và đối tượng là tương đối chuẩn xác. Nếu như quyền lợi rời xa đối tượng, thì quyền lợi này nhất định sẽ là thứ “vỏ rỗng”, sự theo đuổi của con người đối với nó sẽ là một thứ phù hiệu mang nội dung, mục tiêu và phương hướng không cụ thể, thậm chí trở thành sự hứa hẹn hão.

Vậy, rốt cuộc, những vật có thể trở thành đối tượng của quyền lợi được quy định dựa trên ý nghĩa nào? Theo những người chủ trương “thuyết tư cách”, không phải bất kỳ sự vật nào cũng đều có thể trở thành đối tượng của quyền lợi, những vật có thể trở thành đối tượng của quyền lợi nhất thiết phải có hai đặc trưng lớn: *thứ nhất*, người khác không thể công khai phủ nhận anh có tư cách sở hữu một vật nào đó; *thứ hai*, khi anh sở hữu một vật nào đó, người khác không thể công khai khiến anh rơi vào tình cảnh bất lợi hoặc gặp rắc rối. Hai đặc trưng này được thể hiện rõ trong sự diễn giải của Milne: “Nếu người khác có thể công khai phủ nhận anh có tư cách được sở hữu một vật nào đó, vì anh có được nó mà người khác có thể công khai làm cho anh rơi vào tình cảnh bất lợi hoặc làm cho anh gặp phải rắc rối, thì vật đó sẽ không thể là vật mà anh có tư cách được hưởng. Do vậy, nói

“tư cách” chính là “quyền lợi” là rất phù hợp”(9). Tuy nhiên, cũng chính vì tính chính đáng là điểm nổi bật của hai đặc trưng lớn ở trên, nên tính chính đáng này có liên quan chặt chẽ đến việc làm gì hay không làm gì của những người khác. Do vậy, đúng như Milne đã chỉ ra rằng, “những vật có thể trở thành đối tượng của quyền lợi thì chỉ giới hạn ở những vật có khả năng chịu ảnh hưởng của việc con người chịu trách nhiệm làm gì hay không làm gì đối với nó. Không ai có quyền được hưởng sự nghỉ ngơi vào một ngày trời đẹp hoặc được hưởng quyền sinh một đứa trẻ thiên tài. Có được những thứ đó là vận may, chứ không phải là tư cách”(10).

3. Ở bộ phận có liên quan đến vật phẩm công, chúng ta đã nói đến đặc điểm cơ bản của vật phẩm công là tính phi độc quyền và tính không đối kháng; ở những bộ phận có liên quan đến quyền lợi, chúng ta lại phân tích hai đặc trưng lớn bắt buộc phải có là tính đối tượng của quyền lợi và những sự vật có khả năng trở thành đối tượng của quyền lợi. Nếu đem so sánh hai đặc điểm cơ bản của vật phẩm công với hai đặc trưng của những vật có thể trở thành đối tượng quyền lợi, chúng ta dễ dàng nhận thấy vật phẩm công vừa khớp hay phù hợp với những đặc trưng của đối tượng của quyền lợi. Xét về vật phẩm công, rất nhiều cá nhân có tư cách chính đáng được cùng hưởng dụng nó. Nếu có một lúc nào đó có ai đẩy

(8) Mc Closkey. “Quyền lợi”. *Tạp san Triết học*, số 15 (1965), tr.18. Trích dẫn từ Beauchamp, T.L: *Luân lý học triết học*. Nxb Khoa học xã hội Trung Quốc, 1990, tr.292.

(9) Milne. *Quyền lợi của con người và tính đa dạng của con người - triết học nhân quyền*. Sdd., tr.111.

(10) Milne. *Quyền lợi của con người và tính đa dạng của con người - triết học nhân quyền*. Sdd., tr.112.

dùng phương thức nào đó để ngăn cấm ai đó hưởng dụng vật phẩm công, thì người đó đã xâm phạm quyền lợi của người khác, và đó là việc làm không chính đáng đối với người khác ấy. Do vậy, đối với vật phẩm công, rõ ràng chúng ta có thể coi nó là vật hội đủ phẩm chất để trở thành đối tượng của quyền lợi. Dưới đây chúng ta sẽ phân tích sâu hơn những đặc điểm cụ thể của vật phẩm công khi đặt nó trong tương quan với vấn đề quyền lợi, để mối liên quan nội tại giữa vật phẩm công và quyền lợi càng trở nên rõ ràng hơn.

Thứ nhất, quyền hưởng dụng vật phẩm công là nội dung quan trọng của quyền lợi cơ bản.

Về quyền lợi, mọi người đưa ra sự phân loại quyền lợi ứng với các đối tượng khác nhau, như quyền tham chính, quyền bình đẳng, quyền hiểu biết, quyền tự do, quyền phát triển, quyền được giáo dục v.v, nhưng điều cần phải xét đến là, các loại quyền lợi có liên quan đến vật phẩm công lại cấu thành nội dung quan trọng của quyền lợi cơ bản. Cho dù vật phẩm công là cái có thể dùng chung được, điều đó có nghĩa là bất cứ ai cũng có thể coi việc cùng chia sẻ hưởng thụ vật phẩm công là quyền lợi cơ bản của mình; nhưng đối với vật phẩm công, bất cứ ai có được vật phẩm công thì về cơ bản chưa hẳn đã có quyền chiếm hữu nó, mà chỉ có quyền được sử dụng nó. Một quốc gia chỉ có thể bảo đảm cho công dân của nước mình có quyền được dùng vật phẩm công trên lãnh thổ của mình, chứ không thể đảm bảo cho họ quyền được hưởng vật phẩm công trên lãnh thổ nước khác. Đó là sự thực cơ bản nhất. Nhưng điều đáng chú ý là, cho dù quyền lợi của một người về vật phẩm công trên thực tế cũng là quyền lợi của con người, nhưng không phải là quyền lợi độc quyền, mà là quyền lợi không độc

quyền. Thực chất, khi một người có quyền được hưởng vật phẩm công, thì cũng có nghĩa là anh ta ban tặng cho người khác quyền cùng được hưởng.

Về vấn đề cá nhân bảo vệ quyền lợi của mình, nhà luân lý học Friedrich Paulsen ở Đức từng có đoạn luận bàn vô cùng đặc sắc. Ông nói: "Nếu như ai đó cho phép người khác can thiệp vào quyền lợi của anh ta mà không chống lại dưới góc độ pháp luật, thì trong phạm vi này anh ta đã làm suy yếu bức bình phong mà xã hội đã xây dựng lên để chống lại sự phi nghĩa. Mỗi một hành vi phi nghĩa không chỉ nhắm vào cá nhân tôi, mà còn nhắm vào toàn bộ chế độ pháp luật, nếu như cho phép hành vi này không bị trừng phạt, thì sức mạnh của chế độ pháp luật dùng để chống lại sự phi nghĩa sẽ bị suy yếu. Sự phục tùng ngoan ngoãn hay sự hèn nhát sẽ dẫn đến việc phát sinh hành vi phi nghĩa và sự bất chước cái phi nghĩa ấy; nó cũng dụ dỗ những người vốn trước đây do sợ bị trừng phạt mà không dám hành động sẽ gây tội ác, tạo nên sự nguy cấp cho quyền lợi chung. Một xã hội có pháp luật cũng giống như một con dê. Nghĩa vụ đối với xã hội đòi hỏi mọi người chú ý đến từng vết rạn nứt nhỏ và ngăn chặn sự lan toả của nó. Do vậy, trên con dê ngăn dòng nước lũ phi nghĩa đang dâng trào, ở đoạn dê mà mình phụ trách quản lý, làm sao để nó không xuất hiện vết nứt trong phạm vi quyền lợi của mình, đó cũng là nghĩa vụ của mỗi thành viên"(11).

Rõ ràng, ý mà Paulsen muốn diễn đạt là thành viên trong xã hội phải bảo vệ quyền lợi của mình, đó không chỉ là điều kiện để bảo vệ sự sinh tồn và phát triển của mình, mà còn là đang bảo vệ lợi ích,

(11) Xem: Friedrich Paulsen. *Hệ thống luân lý học*. Nxb Khoa học xã hội Trung Quốc, 1988, tr.531.

pháp luật và chính nghĩa của cả một xã hội, là đang bảo vệ lợi ích của mọi người. Nhưng, quan điểm trên của Paulsen cũng có sự hạn chế. Đó là, ông không thấy rằng việc cá nhân lựa chọn phương thức mang tính độc quyền để bảo vệ quyền lợi của mình chỉ là một khía cạnh của vấn đề quyền lợi, mặt quan trọng khác của vấn đề lợi ích lại là tính không độc quyền. Cần phải thấy rằng, trong những vấn đề có liên quan đến vật phẩm công, nếu cá nhân lựa chọn thái độ mang tính độc quyền thì anh ta lại không phải là đang bảo vệ quyền lợi của người khác, bảo vệ lợi ích, pháp luật và chính nghĩa trong xã hội, mà ngược lại, đang xâm phạm quyền lợi của người khác, xâm hại đến lợi ích, pháp luật và chính nghĩa của xã hội.

Thứ hai, cung cấp quyền được hưởng vật phẩm công là biện pháp quan trọng để xoá bỏ sự bất bình đẳng.

Quyền được hưởng dụng vật phẩm công có được bảo đảm hay không là thước đo quan trọng để xem xét quyền lợi cơ bản có được bảo đảm hay không; do vậy, đây là vấn đề mấu chốt để khơi dậy ở mỗi cá nhân cảm giác bất bình đẳng nhất. Cùng là con người, tại sao lại vẫn có cảm giác bất bình đẳng này? Có người quy kết là vấn đề giáo dục, có người lại coi là vấn đề tâm lý, nhưng nhìn sâu xa hơn, đó là vấn đề về mối quan hệ mật thiết giữa cá nhân với vật phẩm công. Khi một người đã nhận thấy quyền lợi của mình nhưng không được hưởng nó, ở anh ta chắc chắn sẽ sinh ra cảm giác bất bình đẳng. Về mặt sử dụng, vật phẩm công là cái mang tính phi độc quyền, điều này càng làm cho một số người không thể có quyền được hưởng dụng nó nảy sinh cảm giác bất bình đẳng. Hơn nữa, chỉ khi giành được quyền hưởng dụng nó một cách chính đáng, thì cảm giác bất bình đẳng

của con người mới có thể được xoá bỏ ở mức độ nhất định. Cho dù giáo dục và trị liệu tâm lý có thể đóng vai trò nhất định, nhưng xét đến cùng, chúng không thể duy trì hiệu quả lâu dài. Biện pháp hữu hiệu để xoá đi cảm giác bất bình đẳng do vật phẩm công gây ra là nhanh chóng mang lại cho mọi người quyền được hưởng vật phẩm công.

Trong xã hội phong kiến với đặc trưng là chế độ đẳng cấp, rất khó để nói được về quyền hưởng vật phẩm công trên bình diện rộng. Đặc quyền phong kiến quá nhiều, chế độ đẳng cấp thâm nghiêm, sự trói buộc của hội đoàn và bức tường thuế quan làm cho bất bình đẳng của toàn bộ xã hội đạt đến đỉnh điểm, thậm chí làm cản trở nghiêm trọng đến sự phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội. Về khách quan, vì con người ở trong tình trạng không có quyền được hưởng vật phẩm công dẫn đến cảm giác bất bình đẳng thì cảm giác ấy cũng thường đạt đến cực điểm. Trong xã hội phong kiến Trung Quốc, nông dân luôn đứng dậy khởi nghĩa và khẩu hiệu thường gặp nhất là “chia đều”, “không phân biệt giàu nghèo, không phân biệt sang hèn”. Điều này đã phản ánh rất rõ cảm giác bất bình đẳng cực lớn của người dân lúc đó. Chế độ phong kiến là chế độ thiếu sự bình đẳng, một khi có lực lượng mới tiến nhập vào xã hội, thì sự giải thể và tan vỡ của xã hội phong kiến sẽ trở thành tất yếu của lịch sử.

Khi còn trẻ, C.Mác tham gia tranh luận về luật ăn trộm gỗ rừng, ông cố gắng đòi lại quyền lợi được nhặt cây đổ và cành khô ở trong rừng cho người nghèo, đồng thời coi đó là quyền lợi mà người nghèo cần được hưởng(12). Lúc đó, sử dĩ C.Mác

(12) Xem: C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.1. Nxb Nhân dân, bản tiếng Trung, tr.135-181.

tham gia vào tranh luận này chủ yếu là vì ông đã nhạy cảm nhận thấy quyền lợi được nhật cây đổ và cành khô trong rừng không chỉ thuộc về người giàu. Cho dù vẫn chưa có quan niệm về vật phẩm công, nhưng C.Mác đã giác ngộ được quyền lợi nhật cây đổ và cành khô này là không mang tính độc quyền, cả người nghèo lẫn người giàu đều có quyền; hơn nữa, việc nhà nước thông qua pháp luật tước đoạt quyền lợi này của người nghèo là việc làm không công chính. Chính xuất phát từ điểm này, C.Mác đã phát hiện và làm sáng tỏ bản chất giai cấp của xã hội tư bản chủ nghĩa.

Charles Alexis de Tocqueville, học giả nổi tiếng người Pháp đã từng nói: “Khi bất bình đẳng là luật lệ phổ biến của xã hội, thì sự bất bình đẳng dù lộ liễu nhất cũng sẽ không bị mọi người để ý; nhưng khi tất cả mọi người gần như đạt tới mức độ bình đẳng, thì dù chỉ một chút bất bình đẳng nhỏ cũng có thể khiến người ta khó mà chấp nhận. Do vậy, con người ngày càng bình đẳng, thì mong muốn được bình đẳng sẽ ngày càng khó mà được đáp ứng”(13). Có thể thấy rằng, theo Tocqueville, bình đẳng và bất bình đẳng không phải là tồn tại hiện thực, đó chẳng qua chỉ là cảm giác của con người mà thôi. Kỳ thực, cho dù bình đẳng và bất bình đẳng có liên quan nhất định với cảm giác của con người, nhưng khi người da trắng có quyền lợi được nhận cơ hội giáo dục tốt mà nhà nước cung cấp, còn người da đen lại không được hưởng quyền lợi này, thì đối với những người da đen theo đuổi quyền lợi bình đẳng ấy, cảm giác bất bình đẳng chắc chắn sẽ không chỉ là vấn đề của cảm giác, mà còn là một tồn tại hiện thực. Đó là lý do để đa số người da

đen cho rằng cần phải theo đuổi quyền lợi bình đẳng với những vấn đề có liên quan đến vật phẩm công, nếu không vì thế thì họ đã không phải miệt mài theo đuổi như vậy. C.Mác đã từng chỉ rõ: “Con người không chỉ đấu tranh để sinh tồn, mà đấu tranh để hưởng thụ, để tăng cường sự hưởng thụ của mình, vứt bỏ những hưởng thụ cấp thấp để chuẩn bị cho sự hưởng thụ cao cấp hơn”(14). Xét về cơ bản, con người đang ở trong sự theo đuổi quyền sinh tồn, quyền hưởng thụ, quyền phát triển, thực hiện sự tôn nghiêm và giá trị người, đồng thời dần dần xoá bỏ cảm giác bất bình đẳng của chính bản thân mình.

Thứ ba, sự trợ giúp của pháp luật là con đường quan trọng để phục hồi hay thực hiện quyền được hưởng vật phẩm công của công dân.

“Không có trợ giúp sẽ không có quyền lợi”. Điều mà câu nói quen thuộc của pháp luật nước Anh muốn thể hiện là mối quan hệ không thể chia rẽ giữa quyền lợi và sự trợ giúp. “Sự trợ giúp ở đây thông thường là chỉ sự trợ giúp của pháp luật, là thông qua phương thức pháp luật và “phương thức tương tự pháp luật” để giải quyết xung đột quyền lợi. Nhìn từ góc độ kết quả, trợ giúp nghĩa là giải quyết xung đột hay vướng mắc, là thông qua trình tự trợ giúp làm cho những quyền lợi có liên quan được khôi phục hay thực hiện. Nếu mỗi loại quyền lợi đều có thể vận hành theo quỹ đạo riêng của mình thì hiển nhiên không cần phải trợ giúp; nhưng nếu việc thực hiện quyền lợi một cách hợp

(13) Charles Alexis de Tocqueville. *Bàn về dân chủ ở Mỹ* (quyển hạ). Nxb Thương vụ ấn thư quán, 1992, tr.670.

(14) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.34. Nxb Nhân dân, bản tiếng Trung, tr.163.

pháp lại bị cản trở từ các mặt khác nhau của xã hội, thì việc thực hiện sự trợ giúp để loại bỏ cản trở đó là điều cần thiết”(15). Xét về bản chất của vật phẩm công, quyền được hưởng vật phẩm công phải là quyền lợi chính đáng của công dân trong một quốc gia. Nhưng trên thực tế, quyền được hưởng vật phẩm công lại không phải là cái phát sinh tự nhiên, mà cần phải thông qua sự phấn đấu không ngừng của con người để giành lấy nó, là cái gắn liền với sự trợ giúp của pháp luật.

Trật tự hiện thực của một xã hội là trạng thái được xác lập, hình thành với phương thức phân phối quyền lợi và nghĩa vụ nhất định; do vậy, xung đột xung quanh quyền lợi và lợi ích không chỉ xâm hại đến cá thể chủ thể, mà còn tác động đến cả trật tự xã hội vốn có. Khi xung đột ngày càng mãnh liệt, chính phủ sẽ phải dùng đến pháp luật hay những quy phạm khác để kiềm chế xung đột, giữ trật tự xã hội. Thông qua pháp luật, nhà nước ngăn chặn xung đột có liên quan đến sự “xâm hại quyền lợi” nhằm khôi phục lại trạng thái vốn có của quyền lợi, đó là căn cứ lý luận của sự trợ giúp pháp luật. Nhưng khi không thể có sự đồng thuận về quyền được hưởng vật phẩm công mà xuất hiện xung đột quyền lợi, thì phải sử dụng biện pháp cưỡng chế để bảo đảm quyền lợi hợp pháp của đa số công dân. Đây là một nội dung quan trọng của sự trợ giúp luật pháp. Trong quá trình khôi phục hay thực hiện quyền được hưởng vật phẩm công của công dân, không thể đánh giá thấp vai trò trọng yếu của sự trợ giúp luật pháp.

Thứ tư, bảo đảm quyền con người không phải theo ý nghĩa trừu tượng, mà xã hội bắt buộc phải cung cấp vật phẩm

công một cách tương xứng với quyền con người thì mới có thể thực sự bảo đảm việc thực hiện quyền con người.

Mc Closkey, nhà luật học người Anh đương đại nói: “Cho dù quyền con người là quyền lợi của cá nhân, thế nhưng, nó lại được ban tặng cho tất cả mọi người và trách nhiệm của xã hội là dùng sức mạnh pháp luật để đảm bảo cơ cấu của những quyền lợi này trong cùng cộng đồng. Do vậy, quyền con người trước hết là nhằm vào xã hội chứ không phải là nhằm vào quyền lợi của cá nhân nào. Trong các nước hiện đại, trách nhiệm này trực tiếp là của nhà nước, nó đã xây dựng một thứ nghĩa vụ nghiêm ngặt và đặc biệt, tức là thứ quyền lợi mà nhà nước có trách nhiệm phải bảo đảm và không được phép phá hoại hay coi nhẹ”(16). Ở đây, Mc Closkey đã chú trọng tới mối liên quan giữa quyền con người và xã hội. Tuy thấy được trách nhiệm mà chính phủ cần đảm nhiệm trong quá trình thực hiện nhân quyền, nhưng ông lại thiếu sự phân tích cụ thể về việc làm thế nào để chính phủ có thể bảo đảm nhân quyền. Trên thực tế, nếu như có thể mở xẻ chức năng này của chính phủ, thì dễ dàng nhận thấy rằng, một trong những công việc quan trọng mà nhà nước cần phải làm chính là ở chỗ cung cấp vật phẩm công. Nhà nước buộc phải nỗ lực cung cấp vật phẩm công tương xứng với nhân quyền, vì không có vật phẩm công nhất định làm đảm bảo

(15) Trình Liêu Nguyên, Vương Nhân Bác. *Giành lấy quyền lợi thân thánh – bàn chung về quyền lợi và sự trợ giúp nó*. Nxb Nhân dân Sơn Đông, 1998, tr.349.

(16) Dẫn theo: Thẩm Tôn Linh, Hoàng Nam Thâm. *Thuyết nhân quyền học phương Tây* (quyển hạ), Nxb Nhân dân Tứ Xuyên, 1994, tr.140.

thì một số quyền con người nếu có muốn thực hiện cũng sẽ mãi mãi không thể thực hiện được. Ví dụ, quyền sinh tồn là một quyền lợi cơ bản của con người, nhưng nếu như ở một mức nhất định, nhà nước không thể cung cấp vật phẩm công tương ứng với nó, như nhà ở công cộng, đất công, biện pháp bảo an chung, chế độ phúc lợi công cộng và những công trình công cộng, thì quyền sinh tồn của con người chắc chắn sẽ bị uy hiếp. Một ví dụ khác, trong xã hội hiện đại, người ta nhấn mạnh đến quyền được giáo dục phải là quyền lợi cơ bản của con người, song nếu trong xã hội lại thiếu môi trường được giáo dục (đặc biệt là đủ trường công lập), thì sẽ rất khó thực hiện được quyền lợi này, nếu có thì cũng không được đảm bảo toàn diện. Ngày nay, Trung Quốc ra sức tăng cường xây dựng trường tiểu học. ý nghĩa thực chất của việc đó là ở chỗ cung cấp sự bảo đảm một cách chắc chắn cho đại đa số trẻ em nghèo có quyền lợi được giáo dục.

Như đã nói ở trên, C.Mác đã từng bác bỏ một cách gay gắt hiện tượng bất bình đẳng khi người nghèo trong xã hội tư bản chủ nghĩa không được hưởng thụ quyền lợi nhật cây đổ và cành khô. Ví dụ này cũng đã cung cấp một ý tưởng tiến bộ là, một chính phủ có năng lực cung cấp số lượng lớn vật phẩm công, nhưng lại không cung cấp hoặc bảo đảm quyền lợi cùng được hưởng dụng của số đông cá nhân, thì đó là sự tước đoạt nhân quyền cực kỳ dã man. Ph.Ăngghen đã từng chỉ rõ đặc trưng cung cấp vật phẩm công của nhà nước. Trong *Chống Duyrinh*, ông viết: "Ở đây, vấn đề chỉ ở chỗ xác định một sự thật: khắp mọi nơi, sự thống trị chính trị đều lấy việc thực hiện một chức

năng xã hội nào đấy làm cơ sở, mà sự thống trị chính trị chỉ được duy trì khi thực hiện chức năng xã hội này của nó. Bất kể chính phủ chuyên chế ở Bosni và Ấn Độ hưng thịnh hay suy thoái nhiều hay ít, thì mỗi một chính phủ chuyên chế đều hiểu rõ rằng thời kỳ đầu nó làm tổng quản tưới tiêu thủy lợi, mà tại đây, nếu không có tưới tiêu thì sẽ không thể có nông nghiệp. Chỉ có người Anh văn minh mới coi thường điểm này khi tới Ấn Độ; họ bỏ mặc cho kênh đào và đập nước bị hỏng, và vì thế, tới nay, do chu kỳ nảy sinh mất mùa và nạn đói, cuối cùng họ mới phát hiện ra rằng mình đã coi thường một hành động duy nhất có thể làm cho việc thống trị của họ ở Ấn Độ (giống như những tiền bối của họ đã thống trị trước đây) ít nhất cũng mang một tính hợp lý nhất định nào đó"(17). Chính vì vậy, việc cung cấp vật phẩm công là một trong những chức năng quan trọng của nhà nước. Để công dân của một nước được hưởng thụ vật phẩm công mà nhà nước cung cấp, quyền được hưởng thụ ấy phải trở thành nội dung cơ bản của nhân quyền. Từ thời cận đại đến nay, cuộc sống của con người, bao gồm sự vận hành hiện thực của quyền lợi, đã biểu hiện khuynh hướng ngày càng lệ thuộc vào nhà nước. Vì thế, nhà nước sẽ phải có nghĩa vụ nhiều hơn để đảm bảo chắc chắn rằng, trong xã hội, sẽ tồn tại một thứ hệ thống quyền lợi hợp lý. □

Người dịch: ThS. TRẦN THÚY NGỌC

*(Trường Đại học Khoa học Xã hội
và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội)*

(17) *Tuyển tập Mác - Ăngghen*, Q.3, Nxb Nhân dân, 1995, tr.523.